TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2017
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thới.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Anh Thư.

2. Ông Phạm Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2017/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2017, về việc tranh chấp*" Ly hôn "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 6 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2017/QĐST – HNGĐ ngày 19/6/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 247 ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An.

Tạm trú: Số 169/6 xã M, huyện N, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh B, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 247 ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An..

(A có mặt tại phiên tòa, anh B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị A trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại Tòa án và nộp các tài liệu chứng cứ yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Chị A, anh B xác lập quan hệ hôn nhân năm 1991, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết hôn số 93, quyển số 01 ngày 25/10/2010.

Sau khi cưới, thì vợ chồng sống chung bên gia đình của anh B. Thời gian đầu nhìn chung hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mặc khác, anh B không cùng chị chăm lo cuộc sống gia đình và sống không chung thủy với chị. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Mâu thuẫn ngày

càng trầm trọng, hai bên không tìm được biện pháp giải quyết nên A đã sống ly thân với anh B từ năm 2016. Nay không thể tiếp tục chung sống với anh B nên A yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: A, anh B chung sống có 02 con chung tên C, sinh ngày 01/01/1994 (đã trưởng thành có gia đình riêng) và D, sinh ngày 05/8/2005 do anh B đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, A tự nguyện giao D cho anh B tiếp tục nuôi con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con nhưng chị vẫn chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục D.

Về tài sản chung: Vợ chồng chung sống không có tạo lập tài sản chung nào, vì chị làm dâu và chung sống bên gia đình anh B.

Nơ chung: Chị và anh B chung sống cũng không có nợ ai và cũng không ai nợ hai anh chị.

Tài liệu chứng cứ A cung cấp cho Tòa án gồm: 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh các con; Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

Bị đơn anh B đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị A khởi kiện ly hôn với anh B. Căn cứ Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp "*Ly hôn",* thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Anh B đã được Tòa án tống đạt giấy báo phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh B theo qui định pháp luật.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Chị A, anh B xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết hôn số 93, quyển số 01 ngày 25/10/2010, căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của A đối với anh B, Hội đồng xét xử xét thấy hai anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian dài chung sống, nhìn chung có đảm bảo hạnh phúc, có con chung với nhau. Quá trình chung sống, thì A cho rằng anh B không chung thủy với chị, nhiều lần chị đã cố gắn hàn gắng lại tình cảm vợ chồng nhưng anh B không thay đổi dẫn đến A đã sống ly thân với anh B nên A quyết định nộp đơn khởi kiện ly hôn được Tòa án thụ lý vụ án, và thông báo các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh B nhằm để hai anh chị tìm được biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng

nhưng anh B đến Tòa án không đồng ý ly hôn và tự ý bỏ về và vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy anh B không có thiện chí đoàn tụ với A nên mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của A đối với anh B. Chị A được ly hôn với anh B.

[5] Về nuôi con chung: Tại phiên tòa, A tự nguyện để cho anh B được tiếp tục nuôi cháu D, chị không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 05/4/2017, D cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh B. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của A, anh B được tiếp tục nuôi con chung tên D, sinh ngày 05/8/2005. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con theo qui định của pháp luật.

[6] Tài sản chung; Nợ chung: A đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 56; Điều Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị A với anh B.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung D, sinh ngày 05/8/2005 cho anh B được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp phí tổn nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Khấu trừ tạm ứng án phí A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05063 ngày 31/3/2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh B vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

"Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa